

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (LẦN 1)
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán đầu tư và huy động vốn		
Mã học phần:	71ACCT30112	Số tin chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30112_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu Giấy:	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Cách thức nộp bài phần tự luận: Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hoạt động đầu tư bất động sản; kế toán thuê tài sản; mua bán các khoản đầu tư tài chính; huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu và phát hành cổ phiếu.	Trắc nghiệm	50%	10 câu trắc nghiệm	5	ELO 1.1
	Áp dụng các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên	Tự luận	10%	Tự luận - Yêu	1	ELO 1.1

Có TK 2147	600.000.000	Có TK 2141	600.000.000
C. Nợ TK 217	3.000.000.000	D. Nợ TK 211	1.000.000.000
Có TK 211	1.000.000.000	Nợ TK 213	2.000.000.000
Có TK 213	2.000.000.000	Có TK 217	3.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	1.800.000.000	Nợ TK 2147	1.800.000.000
Có TK 2147	1.800.000.000	Có TK 2141	1.800.000.000

ANSWER: A

Câu 01-C1-b: Ngày 01/1/N, công ty MK quyết định chuyển nhà kho A đang sử dụng sang cho công ty L thuê hoạt động. Biết rằng nhà kho này có nguyên giá là 2.000.000.000đ (trong đó quyền sử dụng đất là 1.000.000.000đ), thời gian sử dụng là 10 năm, đã đưa vào hoạt động được 6 năm. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 217	2.000.000.000	B. Nợ TK 211	2.000.000.000
Có TK 211	1.000.000.000	Có TK 217	2.000.000.000
Có TK 213	1.000.000.000		
Và		Và	
Nợ TK 2141	600.000.000	Nợ TK 2147	600.000.000
Có TK 2147	600.000.000	Có TK 2141	600.000.000
C. Nợ TK 217	2.000.000.000	D. Nợ TK 211	1.000.000.000
Có TK 211	1.000.000.000	Nợ TK 213	1.000.000.000
Có TK 213	1.000.000.000	Có TK 217	2.000.000.000
Và		Và	
Nợ TK 2141	1.800.000.000	Nợ TK 2147	1.800.000.000
Có TK 2147	1.800.000.000	Có TK 2141	1.800.000.000

ANSWER: A

Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 02-C1-a: Ngày 01/1/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho 6 tháng bằng chuyển khoản cho công ty MK, giá cho thuê chưa thuế là 10.000.000 đ/tháng, thuế suất GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty MK là tháng. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 3387 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000	B. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 3387 66.000.000
C. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5113 66.000.000	D. Nợ TK 1121 66.000.000 Có TK 5113 60.000.000 Có TK 33311 6.000.000

ANSWER: A

Câu 02-C1-b: Ngày 01/1/N, công ty L trả trước tiền thuê nhà kho 6 tháng bằng chuyển khoản cho công ty MK (thuê hoạt động), giá cho thuê chưa thuế là 8.000.000 đ/tháng, thuế suất GTGT 10%. Biết kỳ kế toán của công ty MK là tháng. Kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ ngày 01/1/N như thế nào:

A. Nợ TK 1121 52.800.000 Có TK 3387 48.000.000 Có TK 33311 4.800.000	B. Nợ TK 1121 52.800.000 Có TK 3387 52.800.000
C. Nợ TK 1121 52.800.000 Có TK 5113 52.800.000	D. Nợ TK 1121 52.800.000 Có TK 5113 48.000.000 Có TK 33311 4.800.000

ANSWER: A

Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 03-C2-a: Tài sản cố định đi thuê tài chính được kế toán ghi nhận và theo dõi như thế nào tại Công ty đi thuê?

A. Ghi tăng tài sản đi thuê tài chính và tăng nợ gốc thuê tài chính, cuối kỳ kế toán phải trích khấu hao.

B. Ghi tăng tài sản đi thuê tài chính và tăng nợ gốc thuê tài chính, cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

C. Ghi tăng chi phí phân xưởng và cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

D. Không ghi sổ nhật ký

ANSWER: A

Câu 03-C2-b: Tài sản cố định đi thuê hoạt động được kế toán ghi nhận và theo dõi như thế nào tại Công ty đi thuê?

A. Ghi tăng chi phí kinh doanh, không ghi tăng tài sản thuê và cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

B. Ghi tăng tài sản đi thuê và cuối kỳ kế toán phải trích khấu hao.

C. Ghi tăng tài sản đi thuê và cuối kỳ kế toán không trích khấu hao.

D. Không ghi sổ nhật ký

ANSWER: A

Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 04-C2-a: Ngày 15/04/N, công ty MK nhận một Máy đóng gói sản phẩm sử dụng tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 5 năm, tiền thuê trả định kỳ vào cuối mỗi năm là 60.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 10%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 225.000.000 đ. Công ty MK tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty MK trả ngay bằng chuyển khoản là 22.500.000đ. Ngày 15/04/N, kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212 225.000.000 Có TK 3412 225.000.000 Và Nợ TK 1332 22.500.000 Có TK 1121 22.500.000	B. Nợ TK 212 227.447.206 Có TK 3412 227.447.206 Và Nợ TK 1332 22.500.000 Có TK 1121 22.500.000
C. Nợ TK 212 225.000.000 Có TK 3412 225.000.000 Và Nợ TK 212 22.500.000	D. Nợ TK 212 227.447.206 Có TK 3412 227.447.206 Và Nợ TK 212 22.500.000

Có TK 1121	22.500.000	Có TK 1121	22.500.000
------------	------------	------------	------------

ANSWER: A

Câu 04-C2-b: Ngày 15/04/N, công ty MK nhận một Máy đóng gói sản phẩm sử dụng tại phân xưởng theo hình thức thuê tài chính trong vòng 5 năm, tiền thuê trả định kỳ vào đầu mỗi năm là 60.000.000đ/năm, lãi suất ghi trên hợp đồng là 10%/năm, giá trị hợp lý của tài sản thuê là 260.000.000 đ. Công ty MK tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tiền thuế GTGT của tài sản thuê được công ty MK trả ngay bằng chuyển khoản là 22.500.000đ. Ngày 15/04/N, kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 212	250.191.927	B. Nợ TK 212	260.000.000
Có TK 3412	250.191.927	Có TK 3412	260.000.000
Và		Và	
Nợ TK 1332	22.500.000	Nợ TK 1332	22.500.000
Có TK 1121	22.500.000	Có TK 1121	22.500.000
C. Nợ TK 212	250.191.927	D. Nợ TK 212	260.000.000
Có TK 3412	250.191.927	Có TK 3412	260.000.000
Và		Và	
Nợ TK 212	22.500.000	Nợ TK 212	22.500.000
Có TK 1121	22.500.000	Có TK 1121	22.500.000

ANSWER: A

Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 05-C3-a: Công ty MK mua 2.000.000 cổ phiếu công ty T với giá mua 35.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 3% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty MK trong công ty T là 60% và công ty có quyền kiểm soát đối với công ty T. Kế toán công ty MK ghi nhận khoản đầu tư này vào:

- A. TK 221
- B. TK 1211
- C. TK 222
- D. TK 228

ANSWER: A

Câu 05-C3-b: Công ty MK mua 1.000.000 cổ phiếu công ty T với giá mua 35.000đ/cp, mệnh giá 10.000đ/cp, chi phí giao dịch 3% trên giá mua, tất cả thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Sau khi hoàn tất giao dịch tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty MK trong công ty T là 30% và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty T. Kế toán công ty MK ghi nhận khoản đầu tư này vào:

A. TK 222

B. TK 1211

C. TK 221

D. TK 228

ANSWER: A

Câu 06: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 06-C3-a: Ngày 01/01/N, công ty MK chuyển khoản tiền gửi ngân hàng mua 1.000 tờ trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 24 tháng, giá mua 1.500.000/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 5%/năm trả hết 1 lần ngay khi mua. Ngày 31/1/N, kế toán công ty MK ghi nhận bút toán điều chỉnh như thế nào, biết rằng kỳ kế toán là tháng.

<p>A. Nợ TK 3387 2.083.333</p> <p> Có TK 515 2.083.333</p>	<p>B. Nợ TK 1212 1.500.000.000</p> <p> Có TK 3387 50.000.000</p> <p> Có TK 1121 1.450.000.000</p>
<p>C. Nợ TK 1282 1.500.000.000</p> <p> Có TK 3387 50.000.000</p> <p> Có TK 1121 1.450.000.000</p>	<p>D. Nợ TK 138 2.083.333</p> <p> Có TK 515 2.083.333</p>

ANSWER: A

Câu 06-C3-b: Ngày 01/01/N, công ty MK chuyển khoản tiền gửi ngân hàng mua 1.000 tờ trái phiếu do công ty B phát hành với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn, kỳ hạn 24 tháng, giá mua 1.500.000/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ, lãi suất 5%/năm trả hết 1 lần ngay khi mua. Ngày 1/1/N, kế toán công ty MK ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào? Biết rằng kỳ kế toán là tháng.

A. Nợ TK 1282 1.500.000.000 Có TK 3387 50.000.000 Có TK 1121 1.450.000.000	B. Nợ TK 1212 1.500.000.000 Có TK 3387 50.000.000 Có TK 1121 1.450.000.000
C. Nợ TK 3387 2.083.333 Có TK 515 2.083.333	D. Nợ TK 138 2.083.333 Có TK 515 2.083.333

ANSWER: A

Câu 07: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 07-C4-a: Công ty MK phát hành trái phiếu với mục đích đi vay nợ để xây dựng tòa nhà A. Chi phí lãi vay đủ điều kiện để được vốn hóa. Kế toán công ty MK ghi nhận lãi trái phiếu vào tài khoản nào?

- A. TK 2412
- B. TK 627
- C. TK 635
- D. TK 811

ANSWER: A

Câu 07-C4-b: Công ty MK phát hành trái phiếu với mục đích đi vay nợ để xây dựng tòa nhà A. Chi phí lãi vay không đủ điều kiện để vốn hóa. Kế toán công ty MK ghi nhận lãi trái phiếu vào tài khoản nào?

- A. TK 635
- B. TK 627
- C. TK 2412
- D. TK 811

ANSWER: A

Câu 08: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 08-C4-a: Ngày 01/09/N, công ty A phát hành 1.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 1.200.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5,5%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 3.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/09/N, kế toán công ty A ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121	1.200.000.000	B. Nợ TK 1121	1.200.000.000
Có TK 34311	1.000.000.000	Có TK 34311	1.000.000.000
Có TK 34313	200.000.000	Có TK 34312	200.000.000
Và: Nợ TK 635	3.000.000	Và: Nợ TK 627	3.000.000
Có TK 1111	3.000.000	Có TK 1111	3.000.000
C. Nợ TK 1121	1.200.000.000	D. Nợ TK 1121	1.200.000.000
Có TK 34313	1.200.000.000	Có TK 34313	1.200.000.000
Và: Nợ TK 635	3.000.000	Và: Nợ TK 2412	3.000.000
Có TK 1111	3.000.000	Có TK 1111	3.000.000

ANSWER: A

Câu 08-C4-b: Ngày 01/09/N, công ty A phát hành 1.000 trái phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng, giá phát hành là 900.000đ/tờ, mệnh giá 1.000.000đ/tờ để phục vụ sản xuất kinh doanh, kỳ hạn 5 năm, lãi suất 5,5%/năm, trả lãi khi đáo hạn. Chi phí phát hành là 3.000.000đ trả bằng tiền mặt, không được vốn hóa, không phân bổ dần. Kỳ kế toán là năm, ngày 01/09/N, kế toán công ty A ghi nhận nghiệp vụ này như thế nào?

A. Nợ TK 1121	900.000.000	B. Nợ TK 1121	900.000.000
Nợ TK 34312	100.000.000	Nợ TK 34313	100.000.000
Có TK 34311	1.000.000.000	Có TK 34311	1.000.000.000
Và: Nợ TK 635	3.000.000	Và: Nợ TK 627	3.000.000
Có TK 1111	3.000.000	Có TK 1111	3.000.000
C. Nợ TK 1121	900.000.000	D. Nợ TK 1121	900.000.000
Có TK 34312	900.000.000	Có TK 34312	900.000.000
Và: Nợ TK 635	3.000.000	Và: Nợ TK 2412	3.000.000
Có TK 1111	3.000.000	Có TK 1111	3.000.000

ANSWER: A

Câu 09: *Random 1 trong 2 câu dưới đây*

Câu 09-C5-a: Công ty có lợi nhuận phân bổ cho cổ đông là 1.800.000.000đ, trong đó lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi là 580.000.000đ, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 65.000.000đ, số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản là 20.000 cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông là:

A. 57.750

B. 25.750

C. 29.000

D. 86.750

ANSWER: A

Câu 09-C5-b: Công ty có lợi nhuận phân bổ cho cổ đông là 1.800.000.000đ, trong đó lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 580.000.000đ, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 65.000.000đ, số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản là 20.000 cổ phiếu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông là:

A. 25.750

B. 57.750

C. 29.000

D. 86.750

ANSWER: A

Câu 10: Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 10-C5-a: Công ty JK phát hành 100.000 cổ phiếu thường, chi phí phát hành là 10.000.000 đ. Kế toán công ty JK ghi nhận chi phí phát hành cổ phiếu vào tài khoản nào?

A. TK 4112

B. TK 635

C. TK 627

D. TK 2412

ANSWER: A

Câu 10-C5-b: Công ty JK phát hành 100.000 cổ phiếu thường, giá phát hành là 15.000 đ/cổ phiếu, mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu. Kế toán công ty JK ghi nhận số tiền chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá vào tài khoản nào?

A. TK 4112

B. TK 4111

C. TK 419

D. TK 421

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (5,0 ĐIỂM)

Random 1 trong 2 câu dưới đây

Câu 1.a

Công ty cổ phần TML có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu tháng 01/2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211.K: 200.000.000đ (10.000cp công ty K, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211.B (Căn hộ B): 3.000.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 15/01/2021.
- TK 2141.B (Căn hộ B): 587.500.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 320.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 01/2023 như sau:

1.a.1. Ngày 01/01, chuyển căn hộ B sang cho công ty SY thuê hoạt động, công ty SY trả trước tiền thuê căn hộ B trong 6 tháng, số tiền thuê hàng tháng chưa thuế là 30.000.000đ/tháng, thuế GTGT 8%, đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

1.a.2. Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị K đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 60.000.000đ, đã trả tiền thuê năm đầu tiên bằng tiền gửi ngân hàng; Lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 7%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 250.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 263.232.675đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 20.000.000đ, số thuế này công ty TML đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

1.a.3. Ngày 15/02, công ty TML góp vốn vào công ty cổ phần T bằng một tài sản cố định (Căn hộ C) có nguyên giá 2.400.000.000đ, thời gian sử dụng 10 năm, đã đưa vào sử dụng được 5 năm 2 tháng. Hai bên thống nhất đánh giá tài sản này có trị giá 1.000.000.000đ. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty cổ phần A là 35%, đồng thời công ty có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động công ty T. **(0,5 điểm)**

1.a.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 2.100 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.200.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5,5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần vào ngày 31/12. Chi phí phát hành và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí phát hành là 7.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(0,5 điểm)**

1.a.5. Ngày 15/03, công ty bán bớt 5.000 cổ phiếu công ty K giá bán 25.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,5 điểm)**

1.a.6. Ngày 31/03, kế toán ghi nhận các bút toán điều chỉnh cho nghiệp vụ 1.a.1 vào cuối quý 1/2023. **(0,5 điểm)**

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty TML trong quý 1/2023. **(4 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối quý 1/2023. **(1 điểm)**

Ví dụ:

<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số tiền cuối quý 1/2023</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>113</i>	<i>200.000.000</i>

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Câu 1.b

Công ty cổ phần FK có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu tháng 01/2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211.K: 200.000.000đ (10.000cp công ty K, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211.B (Căn hộ B): 3.000.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 15/01/2021.
- TK 2141.B (Căn hộ B): 587.500.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 320.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 01/2023 như sau:

1.b.1. Ngày 01/01, chuyển căn hộ B sang cho công ty R thuê hoạt động, công ty R trả trước tiền thuê căn hộ B trong 6 tháng, số tiền thuê hàng tháng chưa thuế là 35.000.000đ/tháng, thuế GTGT 8%, đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

1.b.2. Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị QS đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 50.000.000đ, đã trả tiền thuê năm đầu tiên bằng tiền gửi ngân hàng; Lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 7%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 240.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 219.360.563đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 20.000.000đ, số thuế này công ty TML đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

1.b.3. Ngày 15/02, công ty TML góp vốn vào công ty cổ phần T bằng một tài sản cố định (Căn hộ C) có nguyên giá 2.400.000.000đ, thời gian sử dụng 10 năm, đã đưa vào sử dụng được 5 năm 3 tháng. Hai bên thống nhất đánh giá tài sản này có trị giá 1.100.000.000đ. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty cổ phần A là 35%, đồng thời công ty có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động công ty T. **(0,5 điểm)**

1.b.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 2.500 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.200.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5,5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần vào ngày 31/12. Chi phí phát hành và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí

phát hành là 9.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(0,5 điểm)**

1.b.5. Ngày 15/03, công ty bán bớt 5.000 cổ phiếu công ty K giá bán 30.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,5 điểm)**

1.b.6. Ngày 31/03, kế toán ghi nhận các bút toán điều chỉnh cho nghiệp vụ 1.b.1 vào cuối quý 1/2023. **(0,5 điểm)**

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty FK trong quý 1/2023. **(4 điểm)**

Yêu cầu 2: Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối quý 1/2023. **(1 điểm)**

Ví dụ:

<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số tiền cuối quý 1/2023</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>113</i>	<i>200.000.000</i>

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Đáp án Phần tự luận (5,0 điểm)**Câu 1.a**

Công ty cổ phần TML có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu tháng 01/2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211.K: 200.000.000đ (10.000cp công ty K, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211.B (Căn hộ B): 3.000.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 15/01/2021.
- TK 2141.B (Căn hộ B): 587.500.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dự Nợ): 320.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 01/2023 như sau:

1.a.1. Ngày 01/01, chuyển căn hộ B sang cho công ty SY thuê hoạt động, công ty SY trả trước tiền thuê căn hộ B trong 6 tháng, số tiền thuê hàng tháng chưa thuế là 30.000.000đ/tháng, thuế GTGT 8%, đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

*Chuyển nguyên giá: (0,25đ)

Nợ TK 217.B 3.000.000.000

Có TK 211.B 3.000.000.000

*Chuyển hao mòn: (0,25đ)

Nợ TK 2141.B 587.500.000

Có TK 2147.B 587.500.000

*Nhận tiền cho thuê nhà nhiều kỳ: (0,5đ)

Kỳ kế toán (Quý) < Kỳ trả tiền => Trả tiền nhiều kỳ.

Nợ TK 1121 194.400.000

Có TK 3387 180.000.000 (30.000.000 x 6 tháng)

Có TK 33311 14.400.000

1.a.2. Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị K đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 60.000.000đ, đã trả tiền thuê năm đầu tiên bằng tiền gửi ngân hàng; Lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 7%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 250.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 263.232.675đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 20.000.000đ, số thuế này công ty TML đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

PV < Giá trị hợp lý => Nguyên giá tài sản thuê tài chính được tính theo PV.

***Ngày 01/01:**

Nhận thiết bị K: (0,25đ)

Nợ TK 212 263.232.675

 Có TK 3412 263.232.675

Trả tiền thuế GTGT: (0,25đ)

Nợ TK 1332 20.000.000

 Có TK 1121 20.000.000

Trả tiền thuê năm đầu tiên: (0,5đ)

Nợ TK 3412 45.773.713

Nợ TK 635 14.226.287

 Có TK 1121 60.000.000

1.a.3. Ngày 15/02, công ty TML góp vốn vào công ty cổ phần T bằng một tài sản cố định (Căn hộ C) có nguyên giá 2.400.000.000đ, thời gian sử dụng 10 năm, đã đưa vào sử dụng được 5 năm 2 tháng. Hai bên thống nhất đánh giá tài sản này có trị giá 1.000.000.000đ. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty cổ phần A là 35%, đồng thời công ty có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động công ty T. **(0,5 điểm)**

+ Mức khấu hao của 1 tháng: $2.400.000.000/120 \text{ tháng} = 20.000.000\text{đ/tháng}$

+ Khấu hao của căn hộ C tính đến ngày 15/02/2023:

$20.000.000 \times (5 \times 12 + 2) = 1.240.000.000\text{đ}$

Nợ TK 222 1.000.000.000

Nợ TK 2141.C 1.240.000.000

Nợ TK 635 160.000.000

 Có TK 211.C 2.400.000.000

1.a.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 2.100 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.200.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5,5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần vào ngày 31/12. Chi phí phát hành và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí phát hành là 7.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(0,5 điểm)**

Giá phát hành > Mệnh giá => Phát hành trái phiếu có phụ trội.

***Ngày 01/03/2023:**

Phát hành trái phiếu: (0,25 đ)

Nợ TK 1121	2.520.000.000	(1.200.000 x 2.100 tờ)
Có TK 34311	2.100.000.000	(1.000.000 x 2.100 tờ)
Có TK 34313	420.000.000	(2.520.000.000 - 2.100.000.000)

Chi phí phát hành và chi phí đi vay: không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần

Hạch toán chi phí phát hành: (0,25 đ)

Nợ TK 635	7.000.000
Có TK 1111	7.000.000

1.a.5. Ngày 15/03, công ty bán bớt 5.000 cổ phiếu công ty K giá bán 25.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,5 điểm)**

***Bán cổ phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng: (0,25đ)**

Nợ TK 1121	125.000.000	(25.000 x 5.000 cp)
Có TK 1211.K	100.000.000	(5.000 cp x 200.000.000/10.000đ/cp)
Có TK 515	25.000.000	(125.000.000 - 100.000.000)

***Chi phí môi giới: (0,25 đ)**

Nợ TK 635	3.750.000	
Có TK 1121	3.750.000	(3% x 125.000.000)

1.a.6. Ngày 31/03, kế toán ghi nhận các bút toán điều chỉnh cho nghiệp vụ 1.a.1 vào cuối quý 1/2023. **(0,5 điểm)**

*** Kết chuyển Doanh thu cho thuê: (0,25 đ)**

Nợ TK 3387	90.000.000
------------	------------

Có TK 5117 90.000.000 (180.000.000/2)

***Trích khấu hao cho căn hộ B: (0,25 đ)**

Số tiền khấu hao 1 tháng: $3.000.000.000/120 \text{ tháng} = 25.000.000 \text{ đ/tháng}$

Số tiền khấu hao quý 1/2023: $25.000.000 \times 3 = 75.000.000$

Nợ TK 632 75.000.000

Có TK 2147.B 75.000.000

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty TML trong quý 1/2023. (4 điểm)

Yêu cầu 2: Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối quý 1/2023. (1 điểm)

Ví dụ:

<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số tiền cuối quý 1/2023</i>
---------------------	--------------	--------------------------------

<i>Phải trả khác</i>	<i>113</i>	<i>200.000.000</i>
----------------------	------------	--------------------

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Đáp án yêu cầu 2:

<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số tiền cuối quý 1/2023</i>
---------------------	--------------	--------------------------------

<i>Nguyên giá</i>	<i>231</i>	<i>3.000.000.000</i>
-------------------	------------	----------------------

<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>232</i>	<i>(662.500.000)</i>
-------------------------------	------------	----------------------

Giá trị hao mòn lũy kế: $587.500.000 + 75.000.000 = 662.500.000$

Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

Câu 1.b

Công ty cổ phần FK có kỳ kế toán là quý, kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Số dư đầu tháng 01/2023 của một số tài khoản như sau:

- TK 1211.K: 200.000.000đ (10.000cp công ty K, mệnh giá 10.000đ/cp)
- TK 211.B (Căn hộ B): 3.000.000.000đ, thời gian trích khấu hao 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 15/01/2021.
- TK 2141.B (Căn hộ B): 587.500.000đ
- TK 41111: 10.000.000.000đ (500.000 cổ phiếu phổ thông)
- TK 4112 (Dư Nợ): 320.000.000đ
- TK 419: 300.000.000đ (20.000 cổ phiếu)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý

Trích một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 01/2023 như sau:

1.b.1. Ngày 01/01, chuyển căn hộ B sang cho công ty R thuê hoạt động, công ty R trả trước tiền thuê căn hộ B trong 6 tháng, số tiền thuê hàng tháng chưa thuế là 35.000.000đ/tháng, thuế GTGT 8%, đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

*Chuyển nguyên giá: (0,25đ)

Nợ TK 217.B 3.000.000.000

Có TK 211.B 3.000.000.000

*Chuyển hao mòn: (0,25đ)

Nợ TK 2141.B 587.500.000

Có TK 2147.B 587.500.000

*Nhận tiền cho thuê nhà nhiều kỳ: (0,5đ)

Kỳ kế toán (Quý) < Kỳ trả tiền => Trả tiền nhiều kỳ.

Nợ TK 1121 226.800.000

Có TK 3387 210.000.000 (35.000.000 x 6 tháng)

Có TK 33311 16.800.000

1.b.2. Ngày 01/01, nhận về 1 thiết bị QS đi thuê tài chính, thời gian thuê 5 năm, tiền thuê trả vào đầu mỗi năm (ngày 01/01) là 50.000.000đ, đã trả tiền thuê năm đầu tiên bằng tiền

gửi ngân hàng; Lãi suất theo năm ghi trong hợp đồng thuê tài sản là 7%. Giá trị hợp lý của tài sản thuê là 240.000.000đ; Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (PV) là 219.360.563đ. Số thuế GTGT mà bên cho thuê đã trả khi mua tài sản này là 20.000.000đ, số thuế này công ty TML đã trả ngay khi nhận tài sản bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

PV < Giá trị hợp lý => Nguyên giá tài sản thuê tài chính được tính theo PV.

***Ngày 01/01:**

Nhận thiết bị QS: (0,25đ)

Nợ TK 212 219.360.563

Có TK 3412 219.360.563

Trả tiền thuế GTGT: (0,25đ)

Nợ TK 1332 20.000.000

Có TK 1121 20.000.000

Trả tiền thuê năm đầu tiên: (0,5đ)

Nợ TK 3412 38.144.761

Nợ TK 635 11.855.239

Có TK 1121 50.000.000

1.b.3. Ngày 15/02, công ty TML góp vốn vào công ty cổ phần T bằng một tài sản cố định (Căn hộ C) có nguyên giá 2.400.000.000đ, thời gian sử dụng 10 năm, đã đưa vào sử dụng được 5 năm 3 tháng. Hai bên thống nhất đánh giá tài sản này có trị giá 1.100.000.000đ. Sau khi góp vốn tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty trong công ty cổ phần A là 35%, đồng thời công ty có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động công ty T. **(0,5 điểm)**

+ Mức khấu hao của 1 tháng: $2.400.000.000/120 \text{ tháng} = 20.000.000\text{đ}/\text{tháng}$

+ Khấu hao của căn hộ C tính đến ngày 15/02/2023:

$20.000.000 \times (5 \times 12 + 3) = 1.260.000.000\text{đ}$

Nợ TK 222 1.100.000.000

Nợ TK 2141.C 1.260.000.000

Nợ TK 635 40.000.000

Có TK 211.C 2.400.000.000

1.b.4. Ngày 01/03, công ty phát hành 2.500 trái phiếu để huy động vốn, mệnh giá 1.000.000đ/trái phiếu, giá phát hành 1.200.000đ/trái phiếu, đã thu bằng gửi ngân hàng, kỳ

hạn 5 năm, lãi suất danh nghĩa 5,5%/năm, trả lãi sau 1 năm 1 lần vào ngày 31/12. Chi phí phát hành và chi phí đi vay không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần. Chi phí phát hành là 9.000.000đ đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty phân bổ phụ trội trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. **(0,5 điểm)**

Giá phát hành > Mệnh giá => Phát hành trái phiếu có phụ trội.

***Ngày 01/03/2023:**

Phát hành trái phiếu: (0,25 đ)

Nợ TK 1121	3.000.000.000	(1.200.000 x 2.500 tờ)
Có TK 34311	2.500.000.000	(1.000.000 x 2.500 tờ)
Có TK 34313	500.000.000	(3.000.000.000 - 2.500.000.000)

Chi phí phát hành và chi phí đi vay: không đủ điều kiện vốn hóa và không phân bổ dần

Hạch toán chi phí phát hành: (0,25 đ)

Nợ TK 635	9.000.000
Có TK 1111	9.000.000

1.b.5. Ngày 15/03, công ty bán bớt 5.000 cổ phiếu công ty K giá bán 30.000đ/cổ phiếu đã thu bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí môi giới 3% trên giá bán thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. **(0,5 điểm)**

***Bán cổ phiếu thu bằng tiền gửi ngân hàng: (0,25đ)**

Nợ TK 1121	150.000.000	(30.000 x 5.000 cp)
Có TK 1211.K	100.000.000	(5.000 cp x 200.000.000/10.000đ/cp)
Có TK 515	50.000.000	(150.000.000 - 100.000.000)

***Chi phí môi giới: (0,25 đ)**

Nợ TK 635	4.500.000	
Có TK 1121	4.500.000	(3% x 150.000.000)

1.b.6. Ngày 31/03, kế toán ghi nhận các bút toán điều chỉnh cho nghiệp vụ 1.b.1 vào cuối quý 1/2023. **(0,5 điểm)**

*** Kết chuyển Doanh thu cho thuê: (0,25 đ)**

Nợ TK 3387	105.000.000	
Có TK 5117	105.000.000	(210.000.000/2)

***Trích khấu hao cho căn hộ B: (0,25 đ)**Số tiền khấu hao 1 tháng: $3.000.000.000/120 \text{ tháng} = 25.000.000 \text{ đ/tháng}$ Số tiền khấu hao quý 1/2023: $25.000.000 \times 3 = 75.000.000$

Nợ TK 632 75.000.000

Có TK 2147.B 75.000.000

Yêu cầu 1: Hãy ghi sổ nhật ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty TML trong quý 1/2023. (4 điểm)**Yêu cầu 2:** Hãy trình bày các chỉ tiêu về Bất động sản đầu tư trên Bảng cân đối kế toán. Cụ thể: Sinh viên cần ghi rõ: Tên chỉ tiêu, mã số và số tiền cuối quý 1/2023. (1 điểm)

Ví dụ:

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền cuối quý 1/2023
Phải trả khác	113	200.000.000

(SV cần trình bày rõ số tiền 200.000.000 này được tính như thế nào?)

Đáp án yêu cầu 2:

Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền cuối quý 1/2023
Nguyên giá	231	3.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(662.500.000)

Giá trị hao mòn lũy kế: $587.500.000 + 75.000.000 = 662.500.000$ **Lưu ý:** Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm theo yêu cầu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Giảng viên ra đề

ThS. Phạm Thị Mộng Tuyền